

Số: 1865 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình phối hợp
về nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc
sản phẩm nông lâm thủy sản giữa các tỉnh, thành phố giai đoạn 2026-2030**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-TTg ngày 21/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc;

Căn cứ Công điện số 150/CD-TTg ngày 29/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường truy xuất nguồn gốc, đảm bảo chất lượng và uy tín sản phẩm nông, lâm, thủy sản Việt Nam xuất khẩu;

Căn cứ Quyết định số 2815/QĐ-TTg ngày 28/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay;

Căn cứ Quyết định số 1384/QĐ-BNN-QLCL ngày 15/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) phê duyệt Đề án “Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2021-2030”;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-BNNMT ngày 07/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Kế hoạch triển khai truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Chương trình phối hợp về nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông, lâm, thủy

sản giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2026-2030“.

Điều 2. Căn cứ các định hướng của Chương trình này, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trao đổi, thống nhất nội dung phối hợp, liên kết để nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông, lâm, thủy sản và triển khai có hiệu quả trên thực tế.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ Y tế; Công Thương;
- Vụ Khoa học và Công nghệ;
- Các Cục: Trồng trọt và BVTV; Thủy sản và KN; Chăn nuôi và TY; Kinh tế hợp tác và PTNT;
- Trung tâm Khuyến nông quốc gia;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở An toàn thực phẩm TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, CCPT.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Văn Hưng

Chương trình phối hợp
về nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc
sản phẩm nông, lâm, thủy sản giữa các tỉnh, thành phố giai đoạn 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày /5/2026
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

I. MỤC TIÊU

Tăng cường hợp tác liên kết sản xuất với tiêu thụ, tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các chuỗi sản xuất, cung ứng nông, lâm, thủy sản đáp ứng đầy đủ các quy định về truy xuất nguồn gốc, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm; tổ chức kết nối giao thương trực tiếp giữa vùng sản xuất với hệ thống phân phối; tăng cường tiêu thụ tại thị trường trong nước, mở rộng thị trường xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh của nông, lâm, thủy sản Việt Nam; hướng đến mục tiêu phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, hiệu quả và bền vững.

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc.

II. CHỈ TIÊU

1. Số chuỗi, quy mô chuỗi cung ứng thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn giữa các tỉnh, thành phố tăng ít nhất 10%/năm; ưu tiên phát triển các chuỗi gắn với sản phẩm chủ lực, lợi thế của từng địa phương theo hướng ổn định, bền vững, gia tăng giá trị;

2. Tối thiểu 70% số chuỗi tham gia Chương trình đáp ứng đầy đủ các quy định về truy xuất nguồn gốc, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm.

3. Phát triển thị trường tiêu thụ nội địa, mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, tổ chức kết nối giao thương trực tiếp giữa vùng sản xuất với hệ thống phân phối, doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu giữa các địa phương.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

1. Đối tượng: Sản phẩm nông lâm thủy sản chủ lực, sản phẩm OCOP của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Phạm vi: Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có giao thương thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

3. Thời gian triển khai: 2026 – 2030.

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Tiếp tục duy trì, mở rộng và nâng cao chất lượng các chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn; ưu tiên phát triển các chuỗi gắn với sản phẩm chủ lực, lợi thế của từng địa phương theo hướng ổn định, bền vững, gia tăng giá trị.

a) Củng cố, nâng cấp, phát triển hợp tác xã/ tổ hợp tác/ trang trại...(liên kết ngang) gắn chế biến, tiêu thụ (liên kết dọc) theo chuỗi cung ứng bền vững.

b) Phổ biến, tập huấn về xây dựng và vận hành hệ thống tự kiểm soát an toàn thực phẩm tại từng khâu và truy xuất nguồn gốc điện tử, giám sát cộng đồng theo chuỗi; hỗ trợ ứng dụng, chứng nhận chuẩn mực quốc tế như GAP, hữu cơ, ISO, HACCP...

c) Duy trì, mở rộng và nâng cao chất lượng các chuỗi cung ứng nông lâm thủy sản an toàn. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã làm hạt nhân liên kết chuỗi, ký kết hợp đồng tiêu thụ ổn định nông lâm thủy sản chất lượng, an toàn và truy xuất được nguồn gốc.

d) Tổng kết đánh giá, nhân rộng số chuỗi giá trị nông, lâm, thủy sản bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế và chất lượng, an toàn và truy xuất được nguồn gốc.

2. Tập trung xây dựng, quản lý tốt các vùng nguyên liệu đạt chuẩn, số hóa vùng trồng, vùng nuôi; tăng cường liên kết chặt chẽ giữa vùng nguyên liệu với cơ sở chế biến và hệ thống phân phối tại các đô thị lớn.

a) Xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn áp dụng tiêu chuẩn sản xuất bền vững (như VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn..); số hóa vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở sơ chế, chế biến, bán buôn, bán lẻ nông, lâm, thủy sản; tăng cường liên kết chặt chẽ giữa vùng nguyên liệu với cơ sở chế biến.

b) Xây dựng và phát triển mô hình chợ đầu mối/trung tâm cung ứng gắn kết với vùng nguyên liệu, hợp tác xã và liên kết với siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện ích, chợ dân sinh cấp phường, xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

c) Tăng cường phối hợp trong việc trao đổi thông tin, phối hợp kiểm soát, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản lưu thông trên thị trường, chia sẻ dữ liệu phục vụ truy xuất nguồn gốc và xử lý khi phát hiện sản phẩm hàng hóa không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm trong quá trình lưu thông giữa các địa phương.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ chế biến sâu, chế biến tinh, bảo quản sau thu hoạch nhằm nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, giảm tổn thất và lãng phí thực phẩm, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

a) Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, HTX tiếp cận, đầu tư, ứng dụng công nghệ chế biến sâu, chế biến tinh và bảo quản sau thu hoạch theo hướng ứng dụng “công nghệ xanh”, thân thiện môi trường, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

b) Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, tập huấn ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt ưu tiên các tiến bộ kỹ thuật liên quan đến nâng cao chất lượng giống, áp dụng các công nghệ sản xuất “xanh, sạch” theo hướng nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, nông nghiệp tuần hoàn, tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải, nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản. Khuyến khích đầu tư công nghệ chế biến sâu, bảo quản lạnh, logistics nông sản.

c) Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho người dân và doanh nghiệp nâng cấp điều kiện đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm; thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn...); thiết lập, vận hành hệ thống tự kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm tại cơ sở cùng với sự tham gia giám sát của cộng đồng.

d) Chuyển giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm tại từng công đoạn và trong toàn bộ chuỗi cung ứng.

4. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc

a) Lựa chọn nhóm sản phẩm, hàng hóa chủ lực, tham gia chuỗi cung ứng hiện đại, ưu tiên thực hiện Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản làm thực phẩm, gồm dữ liệu thông tin tối thiểu: (i) Thông tin nông hộ tham gia chuỗi; (ii) Thông tin vùng/cơ sở sản xuất và thời gian sản xuất, thu hoạch; (iii) Thông tin các khâu trong phạm vi kế hoạch; (iv) Thông tin về tem xác thực điện tử, tem truy xuất nguồn gốc và cơ chế tra cứu cơ bản và thực hiện truy xuất thông tin bằng mã QR hoặc vật mang dữ liệu thích hợp trên tem nhãn của sản phẩm.

b) Thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về số lượng và các chỉ số liên quan đến cơ sở sản xuất và sản phẩm nông lâm thủy sản trên thị trường phục vụ công tác quản lý, đồng thời, phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin đầy đủ, minh bạch.

c) Nâng cấp, phát triển Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản thực phẩm của địa phương tích hợp với Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và cổng truy xuất nguồn gốc hàng hóa của quốc gia. Chuẩn hóa dữ liệu, kết nối và chia sẻ thông tin giữa các địa phương.

5. Tiếp tục đổi mới phương thức xúc tiến thương mại, tổ chức kết nối giao thương trực tiếp giữa vùng sản xuất với hệ thống phân phối, doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu; phát huy vai trò dẫn dắt thị trường.

a) Phổ biến thông tin thị trường, quy định về chất lượng an toàn thực phẩm các thị trường trong và ngoài nước để người sản xuất, người tiêu dùng nắm rõ, hiểu đúng, làm đúng;

b) Hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp xây dựng, đăng ký công nhận nhãn hiệu, thương hiệu, tổ chức truyền thông quảng bá, kết nối và xúc tiến thương mại sản phẩm trong và ngoài nước.

c) Hỗ trợ truyền thông, quảng bá cơ sở sản xuất sản phẩm chất lượng, an toàn; nhận diện sản phẩm nông lâm thủy sản chất lượng, an toàn qua phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin, thương mại điện tử, các ấn phẩm truyền thông...

d) Tổ chức các hội nghị kết nối sản xuất- tiêu thụ sản phẩm chất lượng, an toàn, hội nghị xúc tiến thương mại liên tỉnh, liên vùng, hội chợ trung bày, giới thiệu sản phẩm. Hỗ trợ phát triển sàn thương mại điện tử nông, lâm, thủy sản, ứng dụng nền tảng số trong kết nối cung - cầu, triển lãm nông nghiệp thực tế ảo (Virtual Exhibition).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Điều phối các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương liên kết triển khai hiệu quả Chương trình. Lồng ghép các chương trình, dự án của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hỗ trợ thực hiện các nội dung Chương trình (nếu có).

b) Chỉ đạo các Cục chuyên ngành có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương hoàn thiện cơ chế, chính sách, thực hiện các quy định an toàn thực phẩm trong công đoạn sản xuất ban đầu; xây dựng các mô hình chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm nông, lâm, thủy sản đáp ứng đầy đủ các quy định về truy xuất nguồn gốc, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm và nâng cấp, phát triển chuỗi giá trị ngành hàng.

c) Cung cấp, cập nhật thông tin thị trường và các quy định về chất lượng an toàn thực phẩm các thị trường trong nước và quốc tế nhằm định hướng phát triển vùng trồng, vùng nuôi và các chuỗi sản phẩm theo hướng nâng cao giá trị gia tăng.

d) Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm (ToT) của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương liên kết tham gia thực hiện Chương trình.

đ) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết và tổng kết kết quả triển khai hàng năm và cả giai đoạn 5 năm, đề xuất triển khai giai đoạn tiếp theo.

e) Giao Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường làm đầu mối điều phối Chương trình phối hợp.

2. Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Căn cứ Chương trình này và nhu cầu thực tế về nguồn cung cấp, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản, các tỉnh, thành phố trao đổi, thống nhất ký kết Chương trình/

Kế hoạch hợp tác để đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả.

b) Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao Cơ quan thường trực (Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Sở An toàn thực phẩm...) làm đầu mối thực hiện Chương trình phối hợp.

c) Phát triển các chuỗi cung ứng nông, lâm, thủy sản an toàn liên tỉnh, liên vùng gắn với sản phẩm chủ lực, phù hợp với thực tiễn địa phương.

d) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các tỉnh/thành phố tham gia Chương trình tổ chức kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết kết quả triển khai hàng năm và cả giai đoạn 5 năm.

đ) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6), cả năm (trước ngày 15/12), Cơ quan thường trực thực hiện Chương trình phối hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường) kết quả thực hiện, trong đó nêu rõ những việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân và đề xuất giải pháp tiếp tục hoàn thiện.

VI. KINH PHÍ

1. Kinh phí thực hiện Chương trình phối hợp được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành; lồng ghép từ các đề án, chương trình và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

2. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động bố trí kinh phí cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện Chương trình phối hợp.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG